**TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI….**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, MIỄN, GIẢM LÃI, GIỮ NGUYÊN NHÓM NỢ**

Tháng …… năm…….

 *(Đơn vị tính: tỷ đồng, khách hàng)*

 1. Tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số dư nợ chịu ảnh hưởng bởi dịch** | **Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ** | **Miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ** | **Tổng cộng** |
| **Số dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ** | **Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ** | **Số dư nợ được miễn, giảm lãi** | **Số lãi được miễn, giảm** | **Số khách hàng được miễn, giảm lãi** | **Số dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ** | **Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)*  | *(9)* | *(10)* |
| **I** | **Phân theo khách hàng** |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Cá nhân |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Doanh nghiệp |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 | Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 | Khác |  |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Phân theo 21 ngành kinh tế** |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 |   |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | … |  |   |   |   |   |   |   |   |
|   | … |  |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng cộng** |  |   |   |   |   |   |   |   |

2. Tổng dư nợ không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư này:....... tỷ đồng.

*................, ngày........... tháng......... năm .....*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người lập báo cáo(Ký, ghi rõ họ tên) | Người kiểm soát(Ký, ghi rõ họ tên) | Tổng Giám đốc (Giám dốc)(Ký, ghi rõ họ tên) |

**Hình thức gửi báo cáo:**

- Số liệu báo cáo tháng 3/2020:

+ Tổ chức tín dụng (trừ trường hợp tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân), chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi báo cáo giấy và điện tử về địa chỉ: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (email: tindung2@sbv.gov.vn).

+ Tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân, gửi báo cáo giấy và điện tử về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính.

- Số liệu báo cáo từ tháng 04/2020: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo thông qua hệ thống báo cáo thống kê tập trung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm số liệu toàn hàng và số liệu từng chi nhánh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Hướng dẫn lập biểu:**

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo số liệu đến ngày cuối cùng của tháng liền trước.

- Cột (3): TCTD báo cáo số dư nợ dự kiến bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 theo đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Cột (4): Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Thông tư.

- Cột (5): Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Thông tư.

- Cột (6): Dư nợ được miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Thông tư.

- Cột (7): Số tiền lãi mà khách hàng được miễn, giảm.

- Cột (8): Số khách hàng được miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Thông tư.

- Cột (9): Tổng dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Thông tư.

- Cột (10): Tổng số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Thông tư.